TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 18 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2019/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nông Thị C** - Sinh năm 1990.

- Bị đơn: Anh **Ma Nam V** - Sinh năm 1990.

Cùng trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nông Thị C và anh Ma Nam V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị C và anh Ma Nam V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nông Thị C và anh Ma Nam V thoả thuận khi ly hôn giao con chung tên là Ma Nhật H, sinh ngày 22/10/2014 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho chị Nông Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Ma Nam V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ma Nam V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nông Thị C phải chịu 75.000^{đ} án phí hôn nhân sơ thẩm; anh Ma Nam V phải chịu 75.000^{đ} án phí hôn nhân sơ thẩm. Ghi nhận việc chị Nông Thị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí vụ án ly hôn với số tiền là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} mà chị C đã nộp theo biên lai số 03647 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Nông Thị C được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh + BBGN; 1;
- VKSND huyện B; 2;
- THADS H. B; 1;
- UBND thị trấn Ch;
(Nơi đăng ký kết hôn) 1;
- Các đương sự; 2;
- Lưu HS, VT. 2.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu